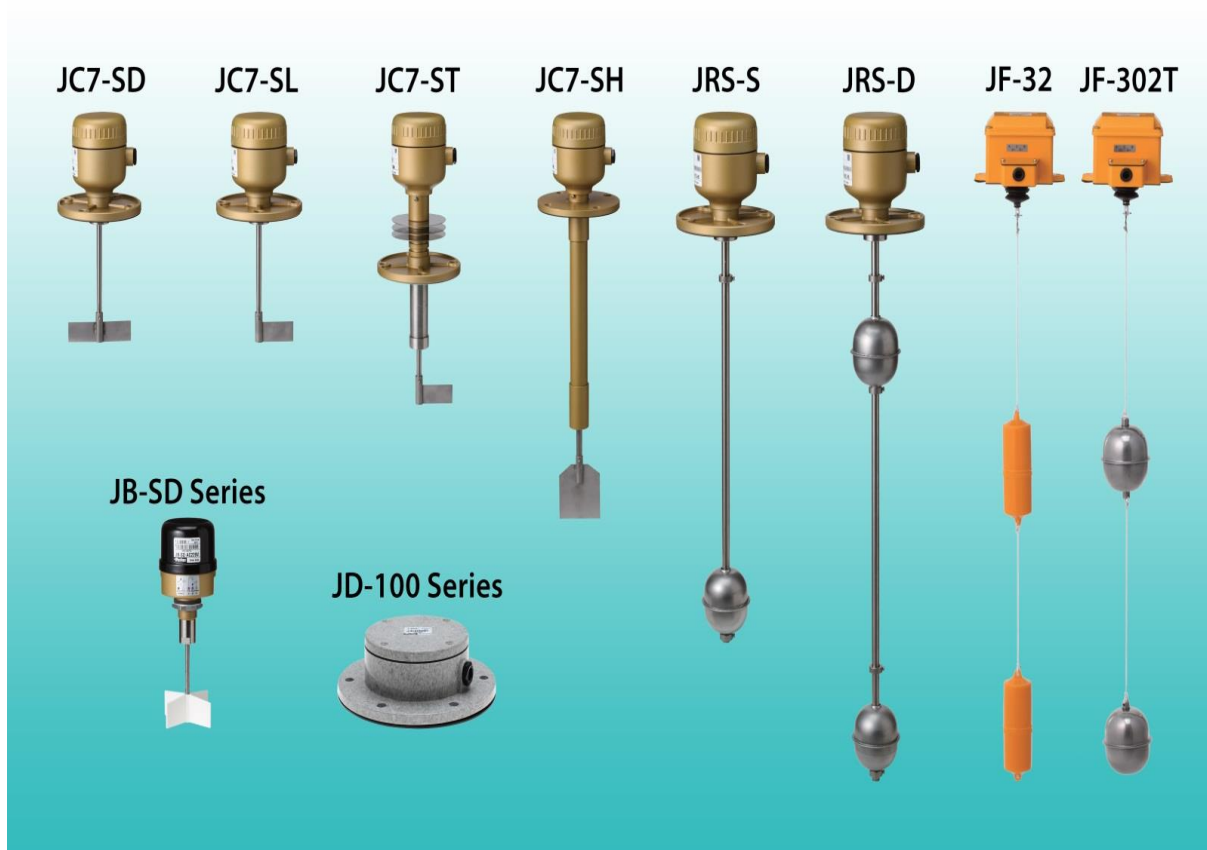


The Parker logo, featuring a stylized white arrow pointing right, followed by the word "Parker" in a bold, white, sans-serif font, all set against a black background.

GIÁ KHÍ NÉN (PARKER)

STT	HÌNH ẢNH	Mã hàng	ĐƠN GIÁ VND (ĐÃ VAT)	DIỄN GIẢI
■ Báo mức nước - mức dầu - mức thể rắn				
1		JF-302T	1,556,400	
2		JB-SD	1,414,600	
3		JF-32	1,280,400	
4		JC7-SD-100mm	4,607,900	
5		JC7-SD-200mm	4,607,900	
6		JC7-SD-300mm	6,333,800	
7		JC7-SH-500mm	6,811,900	
8		JC7-SH-1000mm	9,242,200	
9		JC7-ST-100mm	5,386,700	



STT	HÌNH ẢNH	Mã hàng	ĐƠN GIÁ VND (ĐÃ VAT)	DIỄN GIẢI
■ Cylinder GDC Ø40				
1		40x50	1,595,000	Hành trình 50
2		40x75	1,634,600	Hành trình 75
3		40x100	1,634,600	Hành trình 100
4		40x150	1,738,000	Hành trình 150
5		40x200	1,867,800	Hành trình 200
6		40x250	1,998,700	Hành trình 250
■ Cylinder GDC Ø50				
7		50x50	1,540,000	Hành trình 50
8		50x75	1,860,100	Hành trình 75
9		50x100	1,881,000	Hành trình 100
10		50x150	2,007,500	Hành trình 150
11		50x200	2,150,500	Hành trình 200
12		50x250	2,051,500	Hành trình 250
13		50x500	3,011,800	Hành trình 500
■ Cylinder GDC Ø63				
14		63x60	2,150,500	Hành trình 60
15		63x100	1,922,800	Hành trình 100
16		63x150	2,293,500	Hành trình 150
17		63x200	2,231,900	Hành trình 200
18		63x250	2,409,000	Hành trình 250
■ Cylinder GDC Ø80				
19		80x50	2,464,000	Hành trình 50
20		80x75	2,409,000	Hành trình 75
21		80x100	2,409,000	Hành trình 100
22		80x125	2,561,900	Hành trình 125
23		80x150	2,561,900	Hành trình 150
24		80x200	2,796,200	Hành trình 200
25		80x250	3,384,700	Hành trình 250
26		80x300	3,643,200	Hành trình 300
27		80x350	3,940,200	Hành trình 350

STT	HÌNH ẢNH		MÃ HÀNG	ĐƠN GIÁ VND (ĐÃ VAT)	DIỄN GIẢI
■ Cylinder GDC Ø100					
28			100x50	2,949,100	Hành trình 50
29			100x150	3,725,700	Hành trình 150
30			100x200	4,048,000	Hành trình 200
31			100x250	4,401,100	Hành trình 250
32			100x300	4,722,300	Hành trình 300
33			100x350	4,448,400	Hành trình 350
■ Cylinder GDCØ150					
34			150x200	11,082,500	Hành trình 200
■ Sensor for Cylinder JDC					
35			CLD-C-73	220,000	Sensor for PK1A
36			PD11S1	214,500	Sensor for Compact cylinder
37			CLD-A-54	231,000	Sensor For GDC
38			BK40, BK80	33,480	Bracket For CLD-A-54
Đế Cylinder (CA)					
39			GCA-50	330,000	
40			GCA-63	399,300	
41			GCA-80	646,800	
42			GCA-100	829,400	
STT	HÌNH ẢNH	MÃ HÀNG	MÃ TƯƠNG ĐƯƠNG	ĐƠN GIÁ VND (ĐÃ VAT)	DIỄN GIẢI
■ Bộ lọc khí Ren 13					
43		AU210-8	PCA200-02-B	1,647,800	Bộ lọc nhỏ (đôi) : - Lọc khí + Chỉnh áp - Cấp dầu bôi trơn
44		AFR200-8	PFR200-02	1,124,200	Chỉnh áp +Lọc khí

STT	HÌNH ẢNH	MÃ HÀNG	MÃ TƯƠNG ĐƯƠNG	ĐƠN GIÁ VND (ĐÃ VAT)	DIỄN GIẢI
■ Bộ lọc khí Ren 13 (-8), Ren 17 (-10), Ren 21 (-15)					
45		AU-321-10	PCA302-03	2,104,300	Bộ lọc (đôi) - xả tay
46		AU-421-15	PCA403-04	2,376,000	
47		AU-321-10-AD41	PCA302-03-D	2,668,600	Lọc khí & Chỉnh áp ghép chung + Cấp dầu bôi trơn
48		AU-421-15-AD41	PCA403-04-D	2,923,800	
STT	HÌNH ẢNH	MÃ HÀNG	MÃ TƯƠNG ĐƯƠNG	ĐƠN GIÁ VND (ĐÃ VAT)	DIỄN GIẢI
■ Bộ lọc khí Ren 13 (-8), Ren 17 (-10), Ren 21 (-15)					
49		AU-320-10	PCB302-03	2,467,300	Lọc khí & Chỉnh áp ghép chung + Cấp dầu bôi trơn
50		AU-320-10-AD41	PCB302-03-D	3,126,200	Lọc khí & Chỉnh áp ghép chung + Cấp dầu bôi trơn
51		AU-420-15-AD41	PCB403-04-D	3,273,600	
52		AR-320-10	PAR302-03	975,700	Chỉnh áp
53		AR-420-15	PAR403-04	1,116,500	
54		AFR-320-10	PFR302-03	1,611,500	Lọc khí & Chỉnh áp ghép chung - xả tay
55		AFR-420-15	PFR403-04	1,659,900	
56		AFR-420-15-AD41	PFR403-04-D	2,252,800	
■ Giảm âm					
57		AS-06		24,200	Ren 9.6
58		AS-08		35,200	Ren 13
59		AS-10		55,000	Ren 17
60		AS-15		60,500	Ren 22

STT	HÌNH ẢNH	MÃ HÀNG	ĐƠN GIÁ VND (ĐÃ VAT)	DIỄN GIẢI
Valve Solenoid				
■ Valve khí, dầu, nước 2/2 (2 cửa, 2 vị trí)				
61		NKV-15N-H-1F-4K	1,577,400	Ren 21 (220 VAC)
62		NKV-15N-H-1H-C2	1,741,300	Ren 21
63		NKV-20N-H-1F-4K	1,943,700	Ren 27 (220 VAC)
64		NKV-25N-H-1F-4K	2,598,200	Ren 34 (220 VAC)
■ Valve Solenoid 5/2 (5 cửa, 2 vị trí), 1 coil				
65		PHS-510S-6-220V	807,400	Ren 9.6, 1 coil
66		PHS-520S-02-220V	611,280	Ren 13, 1 coil
67		PHS-530S-03-220V	1,390,400	Ren 17, 1 coil
68		PHS-540S-15-220V	1,758,900	Ren 21, 1 coil
69		PHS-541S-15-220V-D	1,804,000	Ren 21, 1 coil
Valve Solenoid 5/2 (5 cửa, 2 vị trí), 2 coil				
70		PHS-510D-6-24V	1,263,900	Ren 9.6, 2 coil, 2 Vị trí, 24VDC
71		PHS-520D-02-220V	1,261,700	Ren 13, 2 coil, 2 Vị trí, 220V
72		PHS-530D-03-220V	1,998,700	Ren 17, 2 coil, 2 Vị trí, 220V
■ Valve Solenoid 5/3 (5 cửa, 3 vị trí), 2 coil				
73		PHS-510C-6-24V	1,762,200	Ren 9.6
74		PHS-520C-02-220V	1,833,700	Ren 13
75		PHS-530C-03-220V	2,871,000	Ren 17
■ Coil for PHS				
76		PEC5-110V	206,800	Coil 110V
77		PEC5-220V	206,800	Coil 220V
78		PEC5-24V	206,800	Coil 220V
■ Valve Tác động tay				
79		HV-4200-8	773,300	Ren 13
80		HV-4400-10	925,100	Ren 17
81		HV-4400-15	920,700	Ren 21